TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2023/QĐST-HNGĐ	*Hải Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Chất.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023, về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con"*, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Lê Thị Y**, sinh ngày 01/01/1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T1, huyện S, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

2. Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh ngày 14/11/1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T2, xã V, huyện H1, tỉnh Thái Bình. Hiện đang cư trú tại: Hàn Quốc.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị Y, anh T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản của Tòa án:

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn B, xã T1, huyện S, tỉnh Hải Dương.

(Chị Y, anh T và bà H đều đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Bản tự khai; Giấy ủy quyền của chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Xuân T cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Xuân T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H1, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/7/2011. Vợ chồng chung với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng. Năm 2012 anh T đi lao động tại Hàn Quốc, năm 2013 chị Y chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ khi đi anh T về phép một hai lần sau đó lại tiếp tục sang Hàn Quốc làm ăn cho đến nay. Do khoảng cách về địa lý và vợ chồng đã tồn tại mâu thuẫn từ trước nên vợ chồng không quan tâm và ít liên lạc với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Y và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 04/9/2015, hiện con đang ở với bà H. Anh, chị thống nhất giao con chung cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị Y không có mặt tại Việt Nam, chị Y ủy quyền cho bà H thay chị chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước, anh T nhất trí giao con cho bà H nuôi dưỡng trong thời gian chị Y không có mặt tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y, anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng: Chị Y tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định tài liệu, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với lệ phí giải quyết việc dân sự, chị Y tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị Y hiện đang sinh sống tại Đài Loan; anh Nguyễn Xuân T hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc nên anh, chị ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H thay anh, chị giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Bà H nhất trí nhận ủy quyền của chị Y, anh T. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị Y, anh T biết. Chị Y, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Do điều kiện, công việc chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Xuân T không thể trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án được nên anh, chị đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H có quan điểm: Đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuệ L cho đến khi chị Y về nước, bà không yêu cầu anh, chị phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Tuệ Lâm và bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị Y, anh T là cháu Nguyễn Tuệ L có nguyện vọng được

ở với chị Y và bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Xuân T. Giao con chung Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Y nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tạm giao con chung Nguyễn Tuệ L cho bà H chăm sóc trong thời gian chị Y không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Xuân T là công dân Việt Nam hiện chị Y đang cư trú tại Đài Loan, anh T đang cư trú tại Hàn Quốc, anh chị cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn. Thời điểm nộp đơn xin ly hôn chị Y đang ở trong nước, Đơn yêu cầu, bản tự khai và các tài liệu của chị đã được Ủy ban nhân dân xã T1 chứng thực. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin giải quyết vắng mặt và đơn đề nghị lựa chọn Tòa án đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh T đối với các tài liệu này. Kết quả giám định cho thấy chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của người mang tên Nguyễn Xuân T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà anh T gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của anh T.

Quá trình giải quyết, chị Y, anh T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Xuân T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H1, tỉnh

Thái Bình vào ngày 08/7/2011, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng. Năm 2012 anh T đi lao động tại Hàn Quốc, năm 2013 chị Y chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng mỗi người sống một nơi, không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay cả chị Y và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng thời thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Y và anh T.

[2.2] Về con chung: Chị Y và anh T thống nhất giao con chung là Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Con chung Nguyễn Tuệ L có nguyện vọng được ở với chị Y và bà H. Bà H nhất trí nuôi dưỡng cháu Lâm trong thời gian chị Y không có mặt tại Việt Nam. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Tạm giao cháu Nguyễn Tuệ L cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi chị Y về nước.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y về việc chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Xuân T, giao con chung Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Trong thời gian chị Y không ở Việt Nam, tạm giao cháu Tuệ Lâm cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Kể từ khi chị Lê Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Nguyễn Xuân T không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về lệ phí: Chị Lê Thị Y tự nguyện chịu cả 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0003624 ngày 04/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do bà Nguyễn Thị H nộp thay). Chị Y đã nộp đủ lệ phí.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Hồng Liệt, huyện H1, tỉnh Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Chất

(Đã ký)